TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Xuân H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ B, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ B, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Chị H và anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Xuân H trình bày:

Chị H và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn vào 25/8/2004 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống với nhau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 09/2023 đến nay hai vợ chồng ly thân với nhau. Chị H qua thành phố V sống và làm việc.

Nay, chị H nhận thấy không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không thể chung sống với anh T được nữa. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị Xuân H và anh Lê Văn T có 03 con chung là Lê Thu H1, sinh ngày 22/6/2005, Lê Quang V, sinh ngày 19/6/2014 và Lê Vạn K, sinh ngày 17/01/2016. Cháu Lê Thu H1 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Lê Quang V và Lê Vạn K đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh T1 thống nhất với chị H về thời gian chung sống cũng như điều kiện kết hôn. Anh T1 thừa nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên anh T1 thấy tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức ly hôn và con còn nhỏ nên anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung như chị H trình bày là đúng, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T1 đồng ý giao cả hai con là cháu Lê Quang V, sinh ngày 19/6/2014 và Lê Vạn K, sinh ngày 17/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và anh T1 không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Thu H1 đã trưởng thành nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn, tuy nhiên anh T1 thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến chị H đã sang thành phố V ở và làm việc từ tháng 9/2024 đến nay, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con, chị H xác định hiện nay không còn tình cảm với anh T1 cho thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ chấp nhận.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị Xuân H và anh Lê Văn T có 03 con chung là Lê Thu H1, sinh ngày 22/6/2005, Lê Quang V, sinh ngày 19/6/2014 và Lê Vạn K, sinh ngày 17/01/2016. Cháu Lê Thu H1 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Hiện nay chị H có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cả hai con là cháu V và cháu K, đồng thời anh T cũng đồng ý giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị Trần Thị Xuân H và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 25-8-2004 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H cho rằng trong quá trình chung sống với nhau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và sống chung không hạnh phúc; vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay cả hai không có quan hệ qua lại. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T1 cũng thừa nhận do vợ chồng có mâu thuẫn, hay cãi vã nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái.

Xét thấy, anh T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn, tuy nhiên thực tế cả hai cũng đã có thời gian dài sống ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, thời gian này cả hai cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để cả hai đoàn tụ chung sống nhưng chị H xác định không còn tình cảm với anh T1 cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh T1.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị Xuân H và anh Lê Văn T có 03 con chung là Lê Thu H1, sinh ngày 22/6/2005, Lê Quang V, sinh ngày 19/6/2014 và Lê Vạn K, sinh ngày 17/01/2016. Cháu Lê Thu H1 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Thời gian ly thân cả hai cháu V và K đều chung sống với bà ngoại (mẹ chị H) và chị H vẫn bảo đảm được đời sống của các cháu. Đồng thời, anh T cũng đồng ý giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ngoài ra hai cháu đều đang còn nhỏ nên theo quy định giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng sẽ bảo đảm cuộc sống các cháu tốt hơn, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao hai cháu Lê Quang V và Lê Vạn K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu và anh T1 cũng đồng ý.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Xuân H được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang V, sinh ngày 19/6/2014 và Lê Vạn K, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Trần Thị Xuân H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Án phí: Chị Trần Thị Xuân H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001887 ngày 01-3-2024. của Chi cục Thi hành án huyện Châu Đức. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Thu Hiền